

Số: 06/ CBTT-CTCC

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 3 năm 2026

*Vv công bố thông tin
Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm
tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long**

Trụ sở chính: Số 86, đường 3/2, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 02703.822729

Fax : 02703.831283

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Ngô Thành Thía**

Địa chỉ: 79/28, đường Phạm Thái Bường, phường Phước hậu, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 0918165880 - 02703.830707

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn www.vipuco.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HQĐT, BKS, Thư ký;
- BGĐ Cty;
- Lưu

Người thực hiện công bố thông tin



Ngô Thành Thía

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực công ích với tên gọi là Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long. Theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01/10/2016.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp (nay là Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long), thay đổi lần 5 ngày 08/7/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 08/7/2022 là 35.362.220.000 đồng (*bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM với mã chứng khoán là VLP.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Yên Đan	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc
Ông Phan Thanh Hiền	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Kim Dung	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Ngô Thành Thía

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vĩnh Long, ngày 26 tháng 03 năm 2026

*Số: 144/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long được lập ngày 26/03/2026, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink signature, likely belonging to Lê Thanh Tùng Lâm, written in a cursive style.

Lưu Minh Tới

Phó Giám đốc Phụ trách Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 06/2026/UQ -CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

18
TY
H
Á
N
31

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		42.598.471.003	41.468.092.807
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.189.719.331	8.509.862.639
1. Tiền	111		2.189.719.331	3.509.862.639
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	10.000.000.000	9.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	9.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.065.339.600	22.029.359.817
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	21.657.389.129	16.481.895.625
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	174.281.000	245.707.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.281.876.471	5.349.964.192
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(48.207.000)	(48.207.000)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	372.260.370	325.897.317
1. Hàng tồn kho	141		372.260.370	325.897.317
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		971.151.702	1.602.973.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	376.925.728	401.005.632
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	594.225.974	1.201.967.402
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		12.856.792.349	13.726.697.160
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		11.345.390.312	12.876.956.267
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	11.345.390.312	12.876.956.267
- Nguyên giá	222		42.163.015.940	42.740.624.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.817.625.628)	(29.863.668.501)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		1.511.402.037	849.740.893
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.511.402.037	849.740.893
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		55.455.263.352	55.194.789.967

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		5.235.150.702	4.737.076.350
I- Nợ ngắn hạn	310		5.235.150.702	4.737.076.350
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.892.088.921	298.543.480
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	14.273.271
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.417.281.006	934.099.408
4. Phải trả người lao động	314		600.366.936	1.706.780.926
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	531.712.750	549.221.482
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	329.979.295	179.540.360
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		463.721.794	1.054.617.423
II- Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		50.220.112.650	50.457.713.617
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	49.729.548.924	50.460.676.617
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.362.220.000	35.362.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.362.220.000	35.362.220.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.776.440.912	13.568.439.167
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		590.888.012	1.530.017.450
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		590.888.012	1.530.017.450
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		490.563.726	(2.963.000)
1. Nguồn kinh phí	431		490.563.726	(2.963.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		55.455.263.352	55.194.789.967

Vĩnh Long, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Kim Dung



Trần Thị Kim Dung



Ngô Thành Thía

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	52.083.918.072	53.828.294.329
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	52.083.918.072	53.828.294.329
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	41.179.250.879	43.130.089.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		10.904.667.193	10.698.204.889
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	708.523.333	602.624.370
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.808.219	8.365.139
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.934.057.698	8.814.342.193
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.672.324.609	2.478.121.927
11. Thu nhập khác	31	6.6	276.384.037	249.129.548
12. Chi phí khác	32	6.6	2.243.587.460	98.952.552
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(1.967.203.423)	150.176.996
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.705.121.186	2.628.298.923
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	664.233.174	548.281.473
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.040.888.012	2.080.017.450
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	167	414

Vĩnh Long, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Kim Dung



Trần Thị Kim Dung



Ngô Thành Thía

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.705.121.186	2.628.298.923
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.538.925.503	2.612.427.406
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(899.825.473)	(602.624.370)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(306.660.000)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		3.344.221.216	4.331.441.959
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.778.471.657)	(5.276.358.693)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46.363.053)	188.331.980
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.088.969.981	(10.976.461.724)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(637.581.240)	508.828.045
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.187.379.818)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		493.526.726	350.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.655.666.934)	(3.449.343.389)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.191.364.961)	(15.860.591.640)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.146.057.408)	(2.441.279.428)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		330.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(49.000.000.000)	(33.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.000.000.000	39.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.394.523.461	602.624.370
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(421.533.947)	4.161.344.942
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(707.244.400)	(1.060.866.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(707.244.400)	(1.060.866.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(6.320.143.308)	(12.760.113.298)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.509.862.639	21.269.975.937
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	2.189.719.331	8.509.862.639

Vĩnh Long, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Trần Thị Kim Dung


Trần Thị Kim Dung


Ngô Thành Thía

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực công ích với tên gọi là Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long. Theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01/10/2016.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp (nay là Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long), thay đổi lần 5 ngày 08/7/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 08/7/2022 là 35.362.220.000 đồng (*bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM với mã chứng khoán là VLP.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 173 người (tại ngày 31/12/2024 là 235 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Duy trì và chăm sóc thảm cỏ, cây trang trí, cây bóng mát (công viên, khuôn viên, quảng trường, vòng xoay, dải phân cách, vỉa hè, tiểu đảo, các khu dân cư, khu di tích ...)
- Xây dựng công trình đường sắt
- Xây dựng công trình điện, công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghĩa địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thủy lợi, đường dây và trạm biến điện

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh:

Lợi thế kinh doanh là phần giá trị tài sản phát sinh tăng liên quan đến quá trình cổ phần hóa được phân bổ trong thời gian 93 tháng.

Chi phí sửa chữa:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định được phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty phù hợp với Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 sửa đổi một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ về về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn dịch vụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi và áp dụng miễn, giảm thuế tính từ năm 2017. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là dịch vụ công cộng không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ và Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	156.932.978	808.694.773
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.032.786.353	2.701.167.866
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Tổng	2.189.719.331	8.509.862.639

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Tổng	10.000.000.000	10.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000

(i) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn từ 03 đến 12 tháng với lãi suất 5,8 %/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi cục Môi trường tỉnh Vĩnh Long	9.661.993.196	-
Ban Quản lý Di tích Vĩnh Long	1.580.904.326	-
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	-	5.995.412.190
Phòng Tài Nguyên và Môi Trường Huyện Long Hồ	-	1.438.932.000
Bảo tàng Vĩnh Long	-	1.078.031.000
Phòng Tài Nguyên và Môi Trường Huyện Tam Bình	-	2.679.619.135
Các khách hàng khác	10.414.491.607	5.289.901.300
Tổng	21.657.389.129	16.481.895.625

Trong đó:

*Phải thu khách hàng là bên liên quan
(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)*

<i>9.661.993.196</i>	<i>5.995.412.190</i>
----------------------	----------------------

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cơ sở Hoa Kiêng Yến Vy	166.000.000	166.000.000
Các nhà cung cấp khác	8.281.000	79.707.000
Tổng	174.281.000	245.707.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Số 86 đường 3 tháng 2, phường Long Châu,
tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Phải thu khác, trong đó:	7.281.876.471	-	5.349.964.192	-
- Phải thu về Cổ phần hóa	463.000.000	-	313.000.000	-
- Lãi dự thu	1.118.705.000	-	1.804.705.128	-
- Tạm ứng công nhân viên	2.384.310.784	-	1.723.469.817	-
- Ký quỹ, ký cược bảo hành công trình	90.840.849	-	34.202.740	-
- Tạm ứng lương chi vượt phần Quyết toán năm 2025 (i)	2.523.029.703	-	-	-
- Sở tài chính tỉnh Vĩnh Long	-	-	265.450.000	-
- Các khoản khác	684.096.185	-	1.191.242.557	-
Tổng	7.281.876.471	-	5.349.964.192	-

(i) Đây là khoản Công ty hạch toán phần quỹ lương đã chi cho người lao động vượt so với quyết toán quỹ tiền lương năm 2025 là 2.523.029.703 VND. Ban Điều hành Công ty sẽ thu hồi khoản phần lương chi vượt so với quyết toán sẽ được thực hiện đầy đủ trong năm 2026.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	86.064.006	-	118.730.608	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	286.196.364	-	207.166.709	-
Tổng	372.260.370	-	325.897.317	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	376.925.728	401.005.632
Chi phí bảo hiểm	60.161.566	50.617.899
Chi phí sửa chữa	316.764.162	350.387.733
b) Dài hạn	1.511.402.037	849.740.893
Giá trị lợi thế kinh doanh	328.067.548	765.490.972
Chi phí sửa chữa	365.654.320	84.249.921
Chi phí khác	817.680.169	-
Tổng	1.888.327.765	1.250.746.525

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONGSố 86 đường 3 tháng 2, phường Long Châu,
tỉnh Vinh Long, Việt Nam.Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại ngày 01/01/2025	3.090.418.143	39.337.076.673	103.317.273	209.812.679	42.740.624.768		
Tăng trong năm	-	1.146.057.408	-	-	1.146.057.408		
Mua trong năm	-	1.146.057.408	-	-	1.146.057.408		
Giảm trong năm	(97.172.600)	(1.626.493.636)	-	-	(1.723.666.236)		
Thanh lý nhượng bán	(97.172.600)	(1.626.493.636)	-	-	(1.723.666.236)		
Số dư tại ngày 31/12/2025	2.993.245.543	38.856.640.445	103.317.273	209.812.679	42.163.015.940		
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2025	2.932.497.685	26.809.208.989	50.664.696	71.297.131	29.863.668.501		
Tăng trong năm	29.450.316	2.449.165.863	24.708.606	35.600.718	2.538.925.503		
Khấu hao trong năm	29.450.316	2.449.165.863	24.708.606	35.600.718	2.538.925.503		
Giảm trong năm	(97.172.600)	(1.487.795.776)	-	-	(1.584.968.376)		
Thanh lý nhượng bán	(97.172.600)	(1.487.795.776)	-	-	(1.584.968.376)		
Số dư tại ngày 31/12/2025	2.864.775.401	27.770.579.076	75.373.302	106.897.849	30.817.625.628		
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2025	157.920.458	12.527.867.684	52.652.577	138.515.548	12.876.956.267		
Tại ngày 31/12/2025	128.470.142	11.086.061.369	27.943.971	102.914.830	11.345.390.312		

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 18.936.247.680 VND (tại ngày 31/12/2024: 17.770.868.280 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONGSố 86 đường 3 tháng 2, phường Long Châu,
tỉnh Vinh Long, Việt Nam.Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Nhật Toàn Phát	984.289.860	984.289.860	-	-
Hệ kinh doanh Hoàng Thành 2	-	-	175.615.000	175.615.000
Hệ kinh doanh Garage Hoàng Thành	-	-	63.000.000	63.000.000
Các đối tượng khác	907.799.061	907.799.061	59.928.480	59.928.480
Tổng	1.892.088.921	1.892.088.921	298.543.480	298.543.480

5.10 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2025		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2025	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Phải nộp								
Thuế giá trị gia tăng	934.099.408	-	5.708.144.479	5.224.962.881	5.224.962.881	1.417.281.006		
Thuế thu nhập cá nhân	908.453.882	-	2.390.066.184	1.914.574.546	1.914.574.546	1.383.945.520		
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	25.645.526	-	91.195.058	83.505.098	83.505.098	33.335.486		
Các loại thuế khác	-	-	1.962.921.030	1.962.921.030	1.962.921.030	-		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-		
Phải thu								
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.201.967.402	-	1.260.962.207	1.260.962.207	1.260.962.207	-		
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.201.967.402	-	664.233.174	56.491.746	56.491.746	594.225.974		
	-	-	664.233.174	-	-	537.734.228		
	-	-	-	56.491.746	56.491.746	56.491.746		

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	-	1.690.269
Nhận ký quỹ ký cược	169.098.000	177.850.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	160.881.295	91
Tổng	329.979.295	179.540.360

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí thu gom rác rên địa bàn	250.786.496	60.862.091
Chi phí phải trả khác	280.926.254	488.359.391
Tổng	531.712.750	549.221.482

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	35.362.220.000	13.083.953.310	3.643.251.762	52.089.425.072
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.080.017.450	2.080.017.450
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	484.485.857	(484.485.857)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.791.239.305)	(1.791.239.305)
Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty	-	-	(306.660.000)	(306.660.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	-	-	(550.000.000)	(550.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(1.060.866.600)	(1.060.866.600)
Số dư tại ngày 31/12/2024	35.362.220.000	13.568.439.167	1.530.017.450	50.460.676.617
Số dư tại ngày 01/01/2025	35.362.220.000	13.568.439.167	1.530.017.450	50.460.676.617
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	1.040.888.012	1.040.888.012
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	208.001.745	(208.001.745)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(468.353.305)	(468.353.305)
Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty (i)	-	-	(146.418.000)	(146.418.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	(707.244.400)	(707.244.400)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (ii)	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	35.362.220.000	13.776.440.912	590.888.012	49.729.548.924

(i) Công ty phân phối lợi nhuận căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CTCC ngày 26/6/2025, theo đó, Công ty chia cổ tức 2% vốn điều lệ tương ứng với 707.244.400 VND, trích quỹ đầu tư phát triển 10% trên lợi nhuận sau thuế năm 2024 tương ứng với 208.001.745 VND, trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.164.771.305 VND (trong đó đã trích trước trong năm 2024 số tiền là 550.000.000 VND, số tiền trích thêm năm nay là 614.771.305 VND).

(ii) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng Quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 450.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2025	31/12/2025
	VND	VND
Cổ đông		
Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	28.728.220.000	28.728.220.000
Các cổ đông khác	6.634.000.000	6.634.000.000
Tổng	35.362.220.000	35.362.220.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.362.220.000	35.362.220.000
Vốn góp tại đầu năm	35.362.220.000	35.362.220.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	35.362.220.000	35.362.220.000
Chia cổ tức	707.244.400	1.060.866.600

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.536.222	3.536.222
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.536.222	3.536.222
Cổ phiếu phổ thông	3.536.222	3.536.222
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.536.222	3.536.222
Cổ phiếu phổ thông	3.536.222	3.536.222
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	52.083.918.072	53.828.294.329
Tổng	52.083.918.072	53.828.294.329
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>19.116.299.383</i>	<i>18.538.003.354</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	41.179.250.879	43.130.089.440
Tổng	41.179.250.879	43.130.089.440

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	708.523.333	602.624.370
Tổng	708.523.333	602.624.370

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí khác	6.808.219	8.365.139
Tổng	6.808.219	8.365.139

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.003.570.843	6.275.474.519
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.794.427	69.941.193
Chi phí khấu hao TSCĐ	170.858.424	156.738.910
Thuế phí và lệ phí	379.805.736	295.833.611
Chi phí trợ cấp thôi việc	233.154.000	201.643.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	380.057.964	405.483.055
Chi phí quản lý khác	1.712.816.304	1.409.227.905
Tổng	7.934.057.698	8.814.342.193

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý tài sản cố định	191.302.140	-
Tiền thu từ bảo hiểm	24.726.181	24.300.400
Thu tiền bán phế liệu	55.555.555	97.222.222
Tiền đặt cọc hợp đồng	-	55.555.556
Các khoản khác	4.800.161	72.051.370
Tổng	276.384.037	249.129.548
<i>Chi phí khác</i>		
Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	24.836.045	78.700.970
Truy thu tiền thuê đất theo KL thanh tra Chính phủ	1.901.271.287	-
Chi phí khác	317.480.128	20.251.582
Tổng	2.243.587.460	98.952.552
Lợi nhuận khác	(1.967.203.423)	150.176.996

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.842.712.111	12.800.271.753
Chi phí nhân công	20.530.320.736	25.333.561.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.551.551.756	2.627.431.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.078.989.387	2.666.124.519
Chi phí khác	11.874.989.010	7.702.364.550
Tổng	50.878.563.000	51.129.753.648

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.705.121.186	2.628.298.923
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>1.616.044.685</i>	<i>299.977.698</i>
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>1.616.044.685</i>	<i>299.977.698</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	3.321.165.871	2.928.276.621
Thu nhập tính thuế	3.321.165.871	2.928.276.621
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	664.233.174	585.655.324
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	(37.373.851)
Thuế TNDN Phải nộp	664.233.174	548.281.473

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.040.888.012	2.080.017.450
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	(450.000.000)	(614.771.305)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	590.888.012	1.465.246.145
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (ii)	167	414

(i) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CTCC ngày 26/6/2025, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 với số tiền 450.000.000 VND, số tiền này có thể thay đổi sau khi được Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 thông qua. Từ đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể thay đổi.

(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trong năm 2025. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày lại như sau:

	Năm 2024 (Số đã báo cáo)	Năm 2024 (Số trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.080.017.450	2.080.017.450	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng người quản lý Công ty (VND)(i)	(550.000.000)	(614.771.305)	(64.771.305)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.530.017.450	1.465.246.145	(64.771.305)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	433	414	(18)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Cổ đông Nhà nước
Chi cục Môi trường tỉnh Vĩnh Long (trước sáp nhập là Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long)	Cùng Cổ đông Nhà nước
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

b1. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	514.908.444	576.325.947
Ông Nguyễn Khắc Yên Đan	Thành viên	318.287.744	340.979.269
Tổng		833.196.188	917.305.216

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban Kiểm soát	419.027.791	427.428.163
Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên	107.393.001	36.000.000
Tổng		526.420.792	463.428.163

Lương và các lợi ích khác của Ban Điều hành và người quản lý khác

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Nguyễn Văn Thuần	Thành viên HĐQT, Giám đốc	523.932.900	518.693.352
Ông Phan Thanh Hiền	Phó Giám đốc	418.917.791	250.857.042
Bà Trần Thị Kim Dung	Kế toán trưởng	388.709.329	398.611.866
Tổng		1.331.560.020	1.168.162.260

b2. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Giao dịch bán		19.116.299.383	18.538.003.354
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Cung cấp dịch vụ	6.623.139.537	18.538.003.354
Chi cục Môi trường tỉnh Vĩnh Long	Cung cấp dịch vụ	12.493.159.846	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b3. Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Khoản mục số dư</u>	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2025</u> <u>VND</u>
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Phải thu khách hàng	-	5.995.412.190
Chi cục Môi trường tỉnh Vĩnh Long	Phải thu khách hàng	9.661.993.196	-
Tổng		9.661.993.196	5.995.412.190

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Vĩnh Long, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía